

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI

Bản án số: 37/2025/HS-ST

Ngày: 27/8/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Ngọc Mai PH1

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Hiền

Ông Nguyễn Ngọc Châu

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Long – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai xét xử trực tiếp công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng Hữu T, sinh năm 1990, tại Thừa Thiên Huế

Nơi thường trú và nơi ở: khu phố 3, phường T1, thành phố X, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 3, phường X, tỉnh Đồng Nai); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; con ông Nguyễn Hùng C (Đã chết) và bà Hoàng Thị Tố H, sinh năm 1949; tiền án; tiền sự: Không.

Ngày 29/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án, đến ngày 23/5/2025 bị khởi tố về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Bà Mạc Thị H1, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Nơi thường trú: P.808, CC 10A, TND, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh)

Đại diện theo ủy quyền của bị hại: Bà Mạc Thị E, sinh năm 1989 (Vắng mặt, có đơn).

Địa chỉ: Tổ 06, khu phố 3A, phường M, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 07/2022, bà Mạc Thị H1, sinh năm 1987, nơi thường trú: Tổ 6, khu phố 3A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (nay là tổ 06, khu phố 3A, phường M, tỉnh Đồng Nai), xuất khẩu lao động tại Thái Lan nên quen biết và nảy sinh tình cảm nam nữ với Nguyễn Hoàng Hữu T, sinh năm 1990, nơi thường trú: Khu phố 3, phường T1, thành phố X, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 3, phường X, tỉnh Đồng Nai)

Đến đầu tháng 08/2023, H1 và T về Việt Nam sống và làm việc. Quá trình nói chuyện, T nói với chị H1 việc vừa về nước, không có pH1 tiện đi lại. Do đang có xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đỏ - đen, biển số 93N2 – 4658 không sử dụng đến nên H1 nói T có nhu cầu thì cho mượn. Lúc này, T hỏi mượn xe mô tô biển số 93N2-4658 bà H1 đồng ý. Bà H1 nói T đến nhà của bà H1 tại tổ 6, khu phố 3A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (nay là tổ 06, khu phố 3A, phường M, tỉnh Đồng Nai) để lấy xe. Ngày 24/08/2023, T đến nhà bà H1 và được bà H1 giao xe mô tô biển số 93N2 – 4658 cùng với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 094515 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 14/12/2009 của xe mô tô biển số 93N2 – 4658, đứng tên chủ sở hữu bà Mạc Thị H1. Bà H1 và T thỏa thuận khi nào bà H1 đi làm thì T trả lại xe mô tô biển số 93N2-4658 cho bà H1. Sau khi nhận được xe mô tô biển số 93N2 – 4658, T điều khiển xe đến thành phố X, tỉnh Bình Phước (nay là phường X, tỉnh Đồng Nai). Ngày 25/08/2023, không có tiền tiêu xài nên T điều khiển xe mô tô biển số 93N2 – 4658 đến Cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ “H5 Hà 2”, địa chỉ: Số 71, đường Lê Quý Đôn, khu phố S, phường Q, thành phố X, tỉnh Bình Phước (nay là Số 71, đường Lê Quý Đôn, khu phố S, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai), của ông Đoàn Minh H5, sinh năm 1969, nơi thường trú: Khu phố Z, phường W, thành phố X, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố Z, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai) để cầm cố lấy tiền. Thấy người cầm cố xe và chủ sở hữu trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93N2 – 4658 không cùng một người nên ông H5 hỏi thì T nói dối xe mô tô biển số 93N2 – 4658 là của vợ T. Tin tưởng, ông H5 đồng ý nhận cầm cố xe mô tô biển số 93N2 – 4658 và cho T với số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Sau đó, vào các ngày 07/09/2023, ngày 13/11/2023 và ngày 14/11/2023, T đến gặp ông H5 để cầm cố thêm số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Số tiền này được T và ông H5 thỏa thuận cộng dồn vào tổng số tiền cầm cố xe mô tô biển số 93N2 – 4658. Tổng số tiền mà T cầm cố xe mô tô biển số 93N2 – 4658 cho ông H5 là 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Sau khi giao xe mô tô biển số 93N2 – 4658 cho T mượn, ngày 01/09/2023, bà H1 yêu cầu T trả lại xe mô tô biển số 93N2 – 4658 cho bà H1 nhưng T nói nhiều lý do, không trả lại xe mô tô biển số 93N2 – 4658. Nghi ngờ, bà H1 tìm gặp T thì T nói dối là xe mô tô biển số 93N2 – 4658 bị chủ nợ của T lấy đi để cầm trừ nợ. T hứa hẹn sẽ chuộc xe trả lại bà H1. Đến tháng 02/2024, bà H1 liên lạc cho T nhưng không liên lạc được nên bà H1 đến nhà T tìm hiểu thì được biết T nợ tiền nhiều người và đã bỏ đi khỏi địa phương.

Đến tháng 07/2024, do quá thời hạn xóa thế chấp nhiều tháng và không liên hệ được với T nên ông H5 thanh lý xe mô tô biển số 93N2 – 4658. Ông H5 nhờ ông Nguyễn Minh Tân, sinh năm 1987, nơi thường trú: Ấp 4, xã Nha Bích, thị xã C, tỉnh Bình Phước (nay là ấp 4, xã Nha Bích, tỉnh Đồng Nai) tìm bà H1 ký Hợp đồng mua bán xe mô tô để bổ sung hồ sơ sang tên chủ sở hữu. Ông Tân tìm và liên hệ với bà H1 nên bà H1 biết được việc T đã thế chấp xe mô tô biển số 93N2 – 4658 cho ông H5. Do đó, bà H1 đến Công an phường M tố giác T có hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Công an phường M lập hồ sơ xác minh ban đầu rồi chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C giải quyết theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 51/KLĐG-HĐĐGTS ngày 14/08/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã C kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đỏ - đen, biển số 93N2 – 4658, số khung: 10AP-0045270, số máy: 0APE-0045270, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng.

Cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 06/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai truy tố Nguyễn Hoàng Hữu T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Hữu T từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù.

Đối với vật chứng của vụ án:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đỏ - đen, biển số 93N2 – 4658 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 094515. Quá trình điều tra xác

định đây là tài sản hợp pháp của bà Mạc Thị H1. Trong thời gian điều tra, bà H1 đã xuất cảnh định cư tại nước Phần Lan và uỷ quyền lại cho em ruột là bà Mạc Thị E. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho bà E.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai đã truy tố và không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị hại bà Mạc Thị H1 vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; đại diện uỷ quyền của bà H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại bà H1 đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và về vấn đề dân sự bà H1 đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu gì khác. Nên việc vắng mặt bị hại tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại trong vụ án về thời gian, địa điểm và quá trình thực hiện tội phạm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, vật chứng có trong hồ sơ vụ án đã thu thập được. Ngày 24/08/2023, tại nhà bà Mạc Thị H1 thuộc tổ 6, khu phố 3B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (nay là phường M, tỉnh Đồng Nai), sau khi được bà H1 cho mượn và giao xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đỏ -đen, biển số 93N2 – 4658, trị giá định giá 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng, đến ngày 25/8/2025, Nguyễn Hoàng Hữu T đã chiếm đoạt xe mô tô biển số 93N2 – 4658 mang đi cầm cố cho ông Đoàn Minh H5 để vay số tiền 8.500.000 (Tám trăm năm nghìn) đồng. Đến nay, T không có khả năng

chuộc lại xe mô tô và trả lãi cho anh H5. Hành vi của Nguyễn Hoàng Hữu T đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm khoản 1, Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa p H1. Do đó, cần p H5 có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Hoàng Hữu T có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Đối với vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đỏ - đen, biển số 93N2 – 4658 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 094515. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bà Mạc Thị H1. Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại xe mô tô cho bị hại theo quy định. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra được thực hiện theo quy định, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Mạc Thị H1 đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì khác, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Đoàn Minh H5: Do số tiền ông H5 cho bị can T vay không lớn, bị can T đang khó khăn về kinh tế nên ông H5 không yêu cầu bị cáo T p H5 khắc phục, bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Những vấn đề liên quan:

Đối với Đoàn Minh H5:

- Về ý thức, khi nhận cầm cố xe mô tô biển số 93N2 – 4658 cho bị cáo Nguyễn Hoàng Hữu T thì ông H5 không biết tài sản trên là do T phạm tội mà có, không đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên không xử lý.

- Đoàn Minh H5 có hành vi cho Nguyễn Hoàng Hữu T cầm cố thế chấp tài sản để vay tiền lấy lãi suất, quá trình điều tra xác định H5 và T thoả thuận mức lãi suất của khoản vay là 6%/01 tháng, tương đương 72%/01 năm, cao hơn 3,6 lần (dưới 05 lần) mức lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định (20%/01 năm), thu lợi số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng, không đủ yếu tố cấu thành tội

“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Hành vi của Đoàn Minh H5 vi phạm quy định tại điểm d, khoản 4, Điều 12, Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội. Điểm d, khoản 4, Điều 12, Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định: “Kinh doanh dịch vụ cầm đồ cho vay tiền có cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự” thì bị phạt tiền từ 10.000.000 (Mười triệu) đồng đến 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Tuy nhiên, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đoàn Minh H5 nhận cầm cố xe mô tô biển số 93N2 – 4658 cho T khi xe mô tô biển số 93N2 – 4658 không thuộc sở hữu của T, T cũng không có giấy ủy quyền hợp lệ của chủ sở hữu xe mô tô biển số 93N2 – 4658 là bà Mạc Thị H1. Hành vi của Đoàn Minh H5 vi phạm điểm 1, khoản 3, Điều 12, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Điểm 1, khoản 3, Điều 12, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định: “Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố” thì bị xử phạt từ 5.000.000 (Năm triệu) đồng đến 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Tuy nhiên, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo PH5 nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Hữu T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Hữu T: 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày thi hành án.

3. Án phí: căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo pH5 nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 – Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan cảnh sát điều tra CA tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VT (15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Mai Phương